

Bản án số: 30/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 02-8-2024

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con
và hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG – TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Đặng Thị Thu Vui.
- Bà Nguyễn Thị Ánh Xuân.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lệ Thu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An;

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Bé Thơ – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị Thu Q, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện T, tỉnh Long An (có mặt).

2. **Bị đơn:** Ông Trần Thanh D, sinh năm: 1974; Địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện T, tỉnh Long An (có mặt).

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- **Ngân hàng N;** Địa chỉ: Số B L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng: Ông Nguyễn Ngọc S; Chức vụ: Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam huyện N, tỉnh Long An. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số: 2665/QĐ-NHN_o-PC ngày 01/12/2022).

- **Ngân hàng C;** Địa chỉ: Tòa nhà C, khu B L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng: Ông Lê Văn T, chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T, tỉnh Long An. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số: 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 31 tháng 8 năm 2023 và tại phiên tòa nguyên đơn bà **Phạm Thị Thu Q** trình bày:

1. *Về hôn nhân*: Sau thời gian tìm hiểu bà và ông **Trần Thanh D** đã tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã **V**, huyện **T** vào ngày 28/12/2004. Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc nhưng đến tháng 8 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn do quan điểm sống không đồng thuận, ông **D** thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện và đuổi bà ra khỏi nhà.

Bà **Q** thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên bà **Q** yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông **D**.

2. *Về con chung*: Trong quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung tên **Trần Thị Cẩm T1**, sinh ngày 23/02/2006, giới tính: nữ; **Trần Thị Xuân T2**, sinh ngày 19/4/2011, giới tính: nữ.

Bà **Q** đồng ý giao 02 con chung cho ông **D** trực tiếp nuôi dưỡng và bà không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Vợ chồng bà có nợ **Ngân hàng N** thông qua chi nhánh huyện **T**, tỉnh **Long An** số tiền 130.000.000 đồng.

*Bị đơn ông **Trần Thanh D** trình bày:*

Ông thừa nhận lời trình bày của bà **Phạm Thị Thu Q** là đúng sự thật về việc tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn và các con chung. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, thời gian sau này vợ chồng có phát sinh vài mâu thuẫn, bất đồng ý kiến do bà **Q** tham gia đánh bài, ông thừa nhận có uống rượu về và có lời qua tiếng lại với bà **Q**.

Nay bà **Q** nộp đơn yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn vì mâu thuẫn gia đình chưa trầm trọng, ông còn thương vợ con. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi 02 con chung tên **Trần Thị Cẩm T1**, sinh ngày 23/02/2006, giới tính: nữ; **Trần Thị Xuân T2**, sinh ngày 19/4/2011, giới tính: nữ (cháu **T1**, cháu **T2** đang sống chung với ông **D**); Về cấp dưỡng: không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: hiện nay vợ chồng ông còn nợ **Ngân hàng N** thông qua chi nhánh huyện **T**, tỉnh **Long An** số tiền 130.000.000 đồng.

Ngân hàng N trình bày:

Khoản vay của ông **D**, bà **Q** được đảm bảo bằng tài sản thế chấp, hiện khoản vay chưa đến hạn, khách hàng chưa vi phạm các điều khoản cam kết. Nay bà **Q**, ông **D** ly hôn thì **Ngân hàng N** xin không tham gia tố tụng, nếu sau này ông **D**, bà **Q** vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

Ngân hàng C trình bày: Ông **D**, bà **Q** có vay **Ngân hàng C** thông qua phòng giao dịch huyện **T** số tiền 35.000.000 đồng. Hiện nay, bà **Q** và ông **D** đã trả nợ cho ngân hàng nên ngân hàng xin rút toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện.

Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải giữa các đương sự nhưng không tiến hành hòa giải được.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng theo quy định; Hội đồng xét xử đều đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Vợ chồng bà Q và ông D có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Nay bà Q nhận thấy mối quan hệ giữa bà và ông D có nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến dẫn đến gây gổ với nhau, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không có khả năng đoàn tụ, hơn nữa bà và ông D đã sống ly thân từ tháng 08/2023 đến nay nên yêu cầu của bà Q về việc ly hôn với ông D là có căn cứ chấp nhận theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

- Về con chung: Bà Q đồng ý giao 02 con chung tên Trần Thị Cẩm T1, sinh ngày 23/02/2006, giới tính: nữ; Trần Thị Xuân T2, sinh ngày 19/4/2011, giới tính: nữ cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng và ông D yêu cầu được chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung cháu T2 và cháu T1. Đồng thời, cháu T1 và cháu T2 có nguyện vọng được sống chung với cha để cha chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo về vật chất lẫn tinh thần. Do đó, ghi nhận sự tự nguyện của bà Q.

- Về cấp dưỡng: Bà Q không cấp dưỡng nuôi con và ông D không yêu cầu bà Q cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

- Về nợ chung: Ngân hàng N – chi nhánh huyện T không yêu cầu nên không xem xét; Ngân hàng C xin rút toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện là sự tự nguyện nên được ghi nhận và đề nghị hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu của Ngân hàng C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là tranh chấp “Ly hôn, nuôi con và hợp đồng tín dụng” nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ông Trần Thanh D trú tại ấp C, xã V, huyện T, tỉnh Long An. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Q với ông D là hợp pháp. Quá trình chung sống do hai bên bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà Q với ông D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà Q yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Bà Q và ông D có hai con chung tên Trần Thị Cẩm T1, sinh ngày 23/02/2006, giới tính: nữ; Trần Thị Xuân T2, sinh ngày 19/4/2011, giới tính: nữ. Bà Q và ông D thỏa thuận ông D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung.

Xét thấy: Việc thỏa thuận giữa bà **Q** và ông **D** là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Đồng thời, cháu **T1** và cháu **T2** có nguyện vọng sống chung với ông **D** nên giao cho ông **D** được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu **T1**, cháu **T2** là phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về cấp dưỡng và tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[4] Về nợ chung:

Do **Ngân hàng N** chưa yêu cầu khởi kiện nên không đề cập đến.

Ngân hàng C xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với bà **Phạm Thị Thu Q** và ông **Trần Thanh D** về tranh chấp hợp đồng tín dụng nên Hội đồng xét xử nghi nhận.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà **Phạm Thị Thu Q** phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm;

Ông **Trần Thanh D** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.
Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà **Phạm Thị Thu Q** được ly hôn với ông **Trần Thanh D**.

2. Về con chung: Ông **Trần Thanh D** được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung tên **Trần Thị Cẩm T1**, sinh ngày 23/02/2006, giới tính: nữ; **Trần Thị Xuân T2**, sinh ngày 19/4/2011, giới tính: nữ.

Bà **Phạm Thị Thu Q** không trực tiếp nuôi con nhưng được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai được quyền cản trở bà **Thu Q** thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của các con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng và tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

4. Về nợ chung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng C** đối với bà **Phạm Thị Thu Q** và ông **Trần Thanh D**.

5. Về án phí:

Bà **Phạm Thị Thu Q** phải chịu án phí án hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001427 ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An. Bà **Q** đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Ông **Trần Thanh D** không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng C không phải chịu án phí theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện/tỉnh; (**Đã ký**)
- Chi cục THADS;
- UBND xã Vĩnh Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Chí Dũng